

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 05b./QĐ-NK TDTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NĂNG KHIẾU TDTT**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 5334-18/TB-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được niêm yết tại bản tin của nhà trường.

**Điều 3.** Trường các bộ phận có liên quan, toàn thể CB-GV-NV của trường tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Yến Phương**



Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THPT Năng Khiếu TDTT

Chương: 422 - 074

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 (TỪ NGÀY 01/07/2021 ĐẾN NGÀY 31/12/2021)**

(Kèm theo Quyết định số 056 /QĐ-NK TDTT ngày 13 / 01/2023, của trường THPT Năng Khiếu TDTT)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

| Số TT      | Nội dung                                                | Tổng số liệu quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                       | 3                       | 4                                  | 5=4-3      | 6                                                                                   |
| <b>A</b>   | <b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>   |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                               |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Phí                                                     |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>   |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Chi sự nghiệp giáo dục                                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Chi quản lý hành chính                                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |                         |                                    |            |                                                                                     |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>            |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1          | Lệ phí                                                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2          | Phí                                                     |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>B</b>   | <b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>                |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                       | <b>2.292.395.457</b>    | <b>2.292.395.457</b>               | <b>0</b>   |                                                                                     |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           | <b>2.292.395.457</b>    | <b>2.292.395.457</b>               | <b>0</b>   |                                                                                     |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        | 2.035.702.286           | 2.035.702.286                      | 0          |                                                                                     |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  | 256.693.171             | 256.693.171                        | 0          |                                                                                     |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |                         |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |                         |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>        |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b> |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |





| Số TT | Nội dung                                                | Tổng số liệu quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10    | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                         |                                    |            |                                                                                     |
| II    | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2     | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>        |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4     | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5     | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6     | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7     | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8     | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9     | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b> |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10    | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.1  | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.2  | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| III   | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1     | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 1.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2     | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 2.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3     | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>        |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 3.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4     | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 4.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5     | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 5.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6     | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 6.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7     | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.1   | Dự án A                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 7.2   | Dự án B                                                 |                         |                                    |            |                                                                                     |

ANH  
PHỤ THẠM  
KHIEU  
THỂ DỤC  
THỂ THAO  
2023



| Số TT | Nội dung                                         | Tổng số liệu quyết toán | Tổng số liệu quyết toán được duyệt | Chênh lệch | Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.1   | Dự án A                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 8.2   | Dự án B                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9.1   | Dự án A                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 9.2   | Dự án B                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.1  | Dự án A                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |
| 10.2  | Dự án B                                          |                         |                                    |            |                                                                                     |



Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Yến Phương